

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG
VINACONEX XUÂN MAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI

Địa chỉ: Thị trấn Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội

Tel: (84-4)33 840 385 Fax: (84-4)33 840 117

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính 2008.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai (sau đây gọi tắt là Công ty) tiền thân là Nhà máy Bê tông Xuân Mai, được thành lập theo Quyết định số 1434 BXD/TCCB ngày 29 tháng 11 năm 1983 của Bộ Xây dựng. Nhà máy Bê tông Xuân Mai đổi tên thành Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai và chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam theo Quyết định số 1049 BXD/TCLĐ ngày 06 tháng 12 năm 1996 của Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 1434/QĐ-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 04 tháng 12 năm 2003. Công ty có 06 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cụ thể:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần một ngày 07/05/2004;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần hai ngày 11/03/2005;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 30/06/2006;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần bốn ngày 20/12/2006;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần năm ngày 19/04/2007;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu ngày 08/10/2007.

Theo Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 389/QĐ-TTGDHN của Giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty chính thức được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 20/12/2007 với mã chứng khoán XMC.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp ngày 08/10/2007 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **100.000.000.000 đồng** (Một trăm tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi; Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; Kinh doanh phát triển nhà ở, trang trí nội thất;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước; Chuyển giao công nghệ mới, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Tư vấn đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, lập dự án, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, quản lý dự
- Chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Khai thác đá;
- Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng; Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Gia công, chế tạo, hoán cải phương tiện vận tải;
- Thiết kế, gia công chế tạo thiết bị nâng (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Thị trấn Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội

Tel: (84-433) 840 385 Fax: (84-433) 840 117

Chi nhánh Láng - Hòa Lạc

Địa chỉ: Xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, Hà Nội

Tel: (84-433) 943 960 Fax: (84-433) 943 960

Chi nhánh Hà Đông

Địa chỉ: Số 8 Quang Trung, phường Quang Trung, TP Hà Đông

Tel: (84-4 23) 220 325 Fax: (84-423) 220 323

Văn phòng đại diện tại Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 2 Văn phòng 6 khu đô thị mới Trung Hoà - Nhân Chính, Hà Nội

Tel: (84-43) 9 110 325 Fax: (84-42) 2 510 632

Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Lầu 7 số 47 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Tel: (84-83) 9 104 839 Fax: (84-43) 9 104 839

Các công ty con:

Công ty Cổ phần Xuân Mai Đạo Tú - Tỷ lệ % quyền biểu quyết: 75,81%

Địa chỉ: Xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

Tel: (84-211) 3 895 576 Fax: (84-211) 3 895 574

Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Vinaconex Xuân Mai - Tỷ lệ % quyền biểu quyết: 72,86%

Địa chỉ: Tầng 2, Văn phòng 6 khu đô thị mới Trung Hoà - Nhân Chính, Hà Nội

Tel: (84-46) 2 511 026 Fax: (84-46) 2 510 632

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2008 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm:

Hội đồng quản trị

- Ông Đặng Hoàng Huy	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên
- Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên
- Ông Trần Trọng Diên	Ủy viên
- Ông Nguyễn Văn Đa	Ủy viên

Ban kiểm soát

- Ông Dương Văn Trùng	Trưởng ban
- Bà Tạ Thị Loan	Thành viên
- Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)***Ban Giám đốc**

- Ông Đặng Hoàng Huy	Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Đa	Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Trọng Diên	Phó Tổng giám đốc
- Ông Đỗ Thạch Cương	Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Văn Liên	Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2008 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI

Đặng Hoàng Huy

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2009

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2008

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2008
của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2008 được lập ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 34 kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc, phương pháp kế toán được áp dụng và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi xin lưu ý, Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán là Báo cáo riêng của nhà đầu tư. Do đó, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Giới hạn kiểm toán

- Trong sáu tháng đầu năm Chi nhánh Vĩnh Phúc ghi nhận doanh thu của một số công trình theo tỷ lệ từ 70% đến 95% giá trị của Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc quyết toán của các công trình đã được Bên A và Bên B xác nhận. Phương pháp ghi nhận như trên là chưa phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - Hợp đồng xây dựng.

- Một số khoản doanh thu đã ghi nhận của các hoạt động bán cấu kiện, vật tư và cho thuê tài sản cố định của Văn phòng Công ty với tổng giá trị là: 1.707.036.154 đồng phát sinh trong kỳ nhưng không có giá vốn hàng bán tương ứng do các giá trị sản xuất kinh doanh dở dang, hàng tồn kho và chi phí khấu hao tương ứng đã kết chuyển hết trong những năm tài chính trước hoặc đã hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Theo đó, bất kỳ sự điều chỉnh nào cũng có thể làm ảnh hưởng tới các chỉ tiêu liên quan trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2008.
- Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục này cũng không đem lại cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về số dư của khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31/12/2008. Bất kỳ sự điều chỉnh nào đối với khoản mục này cũng có thể làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.
- Công ty Cổ phần bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai chưa thực hiện việc tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với giá trị là: 2.944.955.401 đồng của khoản chi phí trích trước với giá trị là 10.517.697.859 đồng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 "Thuế thu nhập doanh nghiệp" ban hành và công bố theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 và Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán thực hiện chuẩn mực này.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của các giới hạn kiểm toán nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai cho năm tài chính 2008:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
 Chứng chỉ KTV số: 0148/KTV
Thay mặt và đại diện cho

Phạm Hùng Sơn
Kiểm toán viên
 Chứng chỉ KTV số: 0813/KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		436,904,625,358	357,211,948,933
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7,997,769,398	43,600,097,504
1 Tiền	111	V.1.	7,997,769,398	43,600,097,504
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	1,357,489,834	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		1,357,489,834	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103,504,845,978	84,177,293,041
1 Phải thu của khách hàng	131		97,946,687,498	83,304,072,218
2 Trả trước cho người bán	132		10,039,925,824	288,430,058
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	1,127,117,174	584,790,765
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5,608,884,518)	-
IV Hàng tồn kho	140		298,180,526,789	184,496,502,552
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	299,259,695,866	184,496,502,552
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,079,169,077)	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		25,863,993,359	44,938,055,836
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		214,235,591	4,767,029,519
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		105,366,877	10,842,268
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		25,544,390,891	40,160,184,049
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		149,981,373,589	140,865,810,549
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		87,194,934,865	109,104,252,164
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	60,099,415,296	77,673,175,041
- Nguyên giá	222		125,331,398,971	145,188,948,282
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65,231,983,675)	(67,515,773,241)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	375,000,016	400,000,012
- Nguyên giá	228		500,000,000	500,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(124,999,984)	(99,999,988)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	26,720,519,553	31,031,077,111
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		60,674,456,359	29,137,360,146
1 Đầu tư vào công ty con	251		21,400,000,000	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11,660,000,000	18,200,000,000
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.8.	27,614,456,359	10,937,360,146
V Tài sản dài hạn khác	260		2,111,982,365	2,624,198,239
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	2,111,982,365	2,624,198,239
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		586,885,998,947	498,077,759,482

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A NỢ PHẢI TRẢ	300		409,133,835,711	321,663,145,859
(300=310+330)				
I Nợ ngắn hạn	310		335,030,420,356	287,619,232,834
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	117,030,585,334	125,760,501,707
2 Phải trả người bán	312		61,099,282,986	57,651,977,832
3 Người mua trả tiền trước	313		52,745,191,857	81,825,042,979
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	3,542,964,901	3,089,782,185
5 Phải trả người lao động	315		2,958,693,896	10,666,194,097
6 Chi phí phải trả	316	V.12.	10,517,697,859	2,142,241,184
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	87,136,003,523	6,483,492,850
II Nợ dài hạn	330		74,103,415,355	34,043,913,025
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	74,103,415,355	33,905,285,826
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	91,645,056
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	46,982,143
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177,752,163,236	176,414,613,623
(400=410+430)				
I Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	177,565,100,116	176,400,324,885
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	100,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		52,174,926,682	52,174,926,682
4 Cổ phiếu quỹ	414		(9,780,176,355)	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		8,556,750,421	4,897,880,043
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1,661,976,275	732,210,913
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24,951,623,093	18,595,307,247
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		187,063,120	14,288,738
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		187,063,120	14,288,738
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		586,885,998,947	498,077,759,482

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Đức Dụng

Vũ Ngọc Nho

Đặng Hoàng Huy

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	01	VI.16	491,069,654,195	394,729,344,457
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17	491,069,654,195	394,729,344,457
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18	404,855,537,223	329,096,843,959
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		86,214,116,972	65,632,500,498
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	956,385,455	442,109,531
7 Chi phí tài chính	22	VI.20	18,029,173,910	16,363,383,422
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17,146,803,374	15,198,889,441
8 Chi phí bán hàng	24		20,286,162,563	14,090,813,982
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22,235,485,949	14,885,183,750
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		26,619,680,005	20,735,228,875
11 Thu nhập khác	31		12,677,653,744	1,406,992,206
12 Chi phí khác	32		3,994,921,414	1,183,044,968
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8,682,732,330	223,947,238
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (**)	50		35,302,412,335	20,959,176,113
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.21	9,950,789,244	2,842,639,600
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	91,645,056
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25,351,623,091	18,024,891,457
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.22.	2,587.02	2,079.80

(*) Trong tổng số 394.729.344.457 đồng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2007, có 72.438.935.525 đồng là doanh thu nội bộ chưa cần trừ giữa Công ty với các Chi nhánh trực thuộc.

(**): Trong tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 35.302.412.335 đồng có 236.120.678 đồng là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại thời điểm 31/12/2008. Khoản lỗ này đã được loại trừ khi tính chi phí thuế thu nhập hiện hành (tương đương với 66.113.790 đồng tiền thuế).

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Đức Dụng

Vũ Ngọc Nho

Đặng Hoàng Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		35,302,412,335	20,959,176,113
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		14,676,221,032	12,100,333,123
- Các khoản dự phòng	3		6,771,896,822	(92,562,972)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		236,120,678	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(623,925,871)	458,778,562
- Chi phí lãi vay	6		17,146,803,374	15,462,495,329
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	8		73,509,528,370	48,888,220,155
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(10,093,009,290)	(49,848,112,869)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(114,763,193,314)	(56,227,020,027)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		53,423,438,742	35,454,443,242
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5,065,009,802	(258,909,263)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(25,572,591,826)	(17,336,503,164)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7,371,751,289)	(2,511,726,970)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		69,058,565,472	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3,546,852,439)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39,709,144,228	(41,839,608,896)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(24,551,916,278)	(3,623,175,564)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		6,683,440,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(28,747,500,000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8,537,096,213)	(12,735,000,000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		872,593,217	442,109,531
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54,280,479,274)	(15,916,066,033)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	86,751,280,543
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(9,780,176,355)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		222,180,102,110	257,032,503,179
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(226,583,216,315)	(245,336,451,776)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,847,702,500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21,030,993,060)	98,447,331,946
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(35,602,328,106)	40,691,657,017
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		43,600,097,504	2,908,440,487
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	7,997,769,398	43,600,097,504

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Đức Dụng

Vũ Ngọc Nho

Đặng Hoàng Huy

Mẫu số B09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm 2008

(tiếp theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Nhà máy Bê tông Xuân Mai, được thành lập theo Quyết định số 1434 BXD/TCCB ngày 29 tháng 11 năm 1983 của Bộ Xây dựng. Nhà máy Bê tông Xuân Mai đổi tên thành Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai và chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam theo Quyết định số 1049 BXD/TCLĐ ngày 06 tháng 12 năm 1996 của Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 1434/QĐ-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 04 tháng 12 năm 2003. Công ty có 06 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cụ thể:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần một ngày 07/05/2004;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần hai ngày 11/03/2005;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 30/06/2006;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần bốn ngày 20/12/2006;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần năm ngày 19/04/2007;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu ngày 08/10/2007.

Theo Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 389/QĐ-TTGDHN của Giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty chính thức được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 20/12/2007 với mã chứng khoán XMC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi; Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; Kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội thất;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước; Chuyển giao công nghệ mới, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Tư vấn đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, lập dự án, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, quản lý dự án;
- Chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng
- Kinh doanh xăng dầu;
- Khai thác đá;
- Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng; Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Gia công, chế tạo, hoàn cải phương tiện vận tải;
- Thiết kế, gia công chế tạo thiết bị nâng (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải).

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Thị trấn Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội

Tel: (84-4)33 840 385 Fax: (84-4)33 840 117

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Chi nhánh Hà Đông

Địa chỉ: Số 8 Đường Quang Trung, TP Hà Đông, Hà Nội

Tel: (84-4 23) 220 325 Fax: (84-423) 220 325

Chi nhánh Láng - Hòa Lạc

Địa chỉ: Xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, Hà Nội

Tel: (84-433) 943 960 Fax: (84-433) 943 960

Văn phòng đại diện tại Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 2 Văn phòng 6 khu đô thị mới Trung Hoà - Nhân Chính, Hà Nội

Tel: (84-43) 9 110 325 Fax: (84-42) 2 510 632

Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Lầu 7 số 47 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Tel: (84-83) 9 104 839 Fax: (84-43) 9 104 839

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Unesco. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2008) số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 31/12/2008, do giá trị thuần có thể thực hiện được của các mặt hàng là tấm lợp, đáy cống, cột mốc, nắp cống, cầu kiện bê tông nhỏ hơn giá gốc, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 02 – Hàng tồn kho, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 13/2006/TT - BTC ngày 27/02/2006 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố địnhThời gian khấu hao <năm >

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

- Nhà cửa vật kiến trúc	20
- Máy móc, thiết bị	5 - 10
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

3.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị thương hiệu nhận bàn giao từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá của Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai. Tài sản này được khấu hao trong 10 năm bắt đầu tính từ năm 2004.

Riêng quyền sử dụng đất tại Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội không xác định thời gian sử dụng nên không trích khấu hao và chưa được ghi nhận trên sổ kế toán khi cổ phần hoá doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm khoản tiền gửi tại Công ty CP Chứng khoán Doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam và các khoản cho vay có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết (Công ty Vinaconex Phan Vũ) và các khoản đầu tư dài hạn khác (Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ, Công ty CP Xi măng Yên Định, Công ty CP Xi măng Cẩm Phả, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 45 và Công ty CP Đầu tư Phát triển Điện Miền Bắc 2) được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua cổ phiếu.

Tại thời điểm 31/12/2008, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn do cổ phiếu của các đơn vị mà Công ty đang nắm giữ chưa niêm yết trên Trung tâm hoặc Sở giao dịch chứng khoán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm; giá trị vận khuôn, chi phí gia công khuôn xà lóc tổng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí các công trình: CP-7B Kim Nguru, Nhà máy Compal, Công trình Công hợp Ngòi Mạ, Công trình nhà văng sấy kho thành phẩm Công ty Dệt 10-10, Công trình trụ sở Tổng Công ty 34 Láng Hạ, Công trình Nhà máy Pioneer, Công trình chợ Cửa Nam, Công trình StarLight Sportwear và Công trình đầm cầu tuần Nghệ An, thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên dự toán, các hợp đồng thầu, Biên bản nghiệm thu khối lượng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Theo Quyết định số 104 QĐ/BTXM-TCHC ngày 13/02/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Bê tông và Xây dựng Vinacorex Xuân Mai, Ban Giám đốc được ủy quyền mua lại cổ phiếu của Công ty trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội làm cổ phiếu quỹ. Tỷ lệ mua lại không quá 10% vốn điều lệ tương đương 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng). Tính đến thời điểm 31/12/2008, Công ty đã mua lại được 556.800 cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các mặt hàng bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông, lắp dựng bê tông cho các công trình xây dựng, doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cấu kiện, lắp dựng được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác". Tuy nhiên một số hợp đồng lắp dựng của Công ty quy định nhà thầu thanh toán theo tiến độ kế hoạch hiện đang được ghi nhận doanh thu theo khoản thanh toán của chủ đầu tư.

Doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**12.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Mẫu số B09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm 2008

(tiếp theo)

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Tại thời điểm 31/12/2008, Công ty tiến hành trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán 3 tháng theo tỷ lệ 30% đến 70% qui định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Ghi nhận các khoản vay ngắn, dài hạn

Các khoản vay ngắn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với mặt hàng bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông, vận chuyển bê tông và 10% đối với lắp dựng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được miễn thuế 2 năm đầu tiên kể từ khi có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo theo qui định tại thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003. Năm 2008 là năm thứ 5 Công ty kinh doanh có lãi và là năm thứ ba kể từ năm được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp nên không còn được miễn giảm thuế phải nộp.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Giá vốn của hoạt động xây dựng được xác định dựa trên lượng chi phí sản xuất kinh doanh tồn đầu kỳ cộng các chi phí thực tế phát sinh tăng trong kỳ và trừ đi phần chi phí dở dang cuối kỳ (phần chi phí này được xác định dựa trên phân giá trị sản lượng còn dở dang).

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp.

1. Tiền	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	2,290,408,145	503,679,332
Văn phòng Công ty	1,163,997,381	252,056,791
Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	10,601,294
Chi nhánh Láng - Hòa Lạc	50,296,457	241,021,247
Chi nhánh Hà Đông	1,076,114,307	-
Tiền gửi ngân hàng	5,707,361,253	43,096,418,172
Văn phòng Công ty	3,812,980,508	41,009,360,908
- Tiền gửi VND	3,794,540,359	41,001,010,955
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	1,994,816,796	9,563,825,554
Ngân hàng Công thương Láng - Hoà Lạc	52,721,384	8,436,953,624
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hà Nội	25,999,474	275,008,977
Tài khoản uỷ thác Quản lý vốn đầu tư NH Công Thương	1,000,000,000	22,000,000,000
Ngân hàng Phát triển Nhà TP HCM - CN Hà Nội	636,065,716	725,222,800
Ngân hàng Techcombank Vĩnh Phúc	74,851,656	-
Ngân hàng Techcombank Xuân Mai	10,085,333	-
- Tiền gửi Ngoại tệ (USD)	18,440,149	8,349,953
Ngân hàng Công thương Láng - Hoà Lạc	33,840	8,349,953
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	8,770,277	-
Ngân hàng Công thương Láng - Hoà Lạc	9,636,032	-
Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	1,594,298,072
- Ngân hàng Công thương Vĩnh Phúc	-	4,179,083
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Vĩnh Phúc	-	3,982,020
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	-	1,586,086,969
- Ngân hàng Habubank CN Xuân Thủy	-	50,000
Chi nhánh Láng - Hòa Lạc	1,708,335,054	492,759,192
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sơn Tây	1,108,213,433	492,759,192
- Ngân hàng Công thương Láng Hoà Lạc	600,121,621	-
Chi nhánh Hà Đông	186,045,691	-
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển - Chi nhánh Hà Đông	3,333,803	-
- Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Láng Hòa Lạc	17,999,150	-

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

- Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM - CN Hà Nội	164,712,738	-
Cộng	7,997,769,398	43,600,097,504
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	1,357,489,834	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>1,357,489,834</i>	-
Nguyễn Kiết Khánh	6,892,834	-
Lương Thị Lan	1,300,597,000	-
Công ty CP Chứng khoán DN nhỏ và vừa Việt Nam	50,000,000	-
Cộng	1,357,489,834	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu khác	1,127,117,174	584,790,765
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>364,131,267</i>	<i>296,387,765</i>
Công ty Bê tông Phan Vũ	9,143,181	9,143,181
Phải thu tiền nước sạch CBCNV Công ty	167,514,389	208,388,270
Phải thu tiền ứng dầu chạy máy phát điện (Chi Tuyết năng lượng)	4,285,247	4,285,247
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 45 (góc+lãi)	58,166,667	38,000,000
Cho CB CNV Vay theo kế ước đi Dubai	36,339,068	36,339,067
Nguyễn Văn Nhất	88,682,715	232,000
<i>Chi nhánh Vĩnh Phúc</i>	-	<i>288,403,000</i>
Cho CB CNV Vay theo kế ước đi Dubai	-	288,403,000
<i>Chi nhánh Láng - Hòa Lạc</i>	<i>7,746,645</i>	-
BHXH và BHYT của CBCNV	7,746,645	-
<i>Chi nhánh Hà Đông</i>	<i>755,239,262</i>	-
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	26,438,767	-
Công ty CP Xuân Mai- Đạo Tú	724,311,375	-
Ban Quản lý dự án Chung cư Vĩnh Phúc	4,489,120	-
CN Vĩnh Phúc - Công ty CP Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	-	-
Cộng	1,127,117,174	584,790,765

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

4. Hàng tồn kho	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	23,488,918,393	23,603,963,223
Văn phòng Công ty	16,993,726,747	19,436,576,271
Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	4,160,377,412
Chi nhánh Láng - Hòa Lạc	1,416,016,049	7,009,540
Chi nhánh Hà Đông	5,079,175,597	-
Công cụ, dụng cụ	216,820,967	546,816,616
Văn phòng Công ty	189,812,356	274,068,191
Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	272,748,425
Chi nhánh Hoà Lạc	12,200,001	-
Chi nhánh Hà Đông	14,808,610	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	232,024,704,996	116,475,900,456
Văn phòng Công ty	112,706,020,324	111,891,906,112
Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	4,427,992,811
Chi nhánh Láng - Hòa Lạc	2,048,940,827	156,001,533
Chi nhánh Hà Đông	117,269,743,845	-
Thành phẩm	36,957,427,050	30,169,692,533
Văn phòng Công ty	36,957,427,050	20,404,230,069
Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	9,765,462,464
Hàng gửi đi bán	6,571,824,460	13,700,129,724
Văn phòng Công ty	6,571,824,460	13,700,129,724
Cộng giá gốc hàng tồn kho	299,259,695,866	184,496,502,552

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

5 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2008	26,889,560,926	93,548,465,697	19,415,361,910	5,335,559,749	145,188,948,282
Mua trong năm	-	2,596,385,543	2,849,949,284	164,385,473	5,610,720,300
Đầu tư XD/CB hoàn thành	85,709,025	1,600,353,677	40,806,322	-	1,726,869,024
Tăng khác	9,314,430,796	12,245,144,790	20,188,403,481	-	41,747,979,067
Thanh lý, nhượng bán	-	(13,623,049,654)	(1,300,723,405)	-	(14,923,773,059)
Giảm khác	(11,118,151,951)	(29,637,905,660)	(12,656,048,095)	(607,238,937)	(54,019,344,643)
Số dư ngày 31/12/2008	25,171,548,796	66,729,394,393	28,537,749,497 -	4,892,706,285	125,331,398,971
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2008	11,513,282,180	44,682,680,340	8,985,532,974	2,334,277,747	67,515,773,241
Khấu hao trong năm	1,855,051,844	10,467,037,933	2,480,524,125	149,103,417	14,951,717,319
Tăng khác	-	510,135,695	1,076,115,312	-	1,586,251,007
Thanh lý, nhượng bán	-	(10,046,463,979)	(855,996,376)	-	(10,902,460,355)
Giảm khác	(2,183,186,031)	(2,535,093,922)	(2,924,458,380)	(276,559,204)	(7,919,297,537)
Số dư ngày 31/12/2008	11,185,147,993	43,078,296,067	8,761,717,655 -	2,206,821,960	65,231,983,675
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2008	15,376,278,746	48,865,785,357	10,429,828,936	3,001,282,002	77,673,175,041
Tại ngày 31/12/2008	13,986,400,803	23,651,098,326	19,776,031,842	2,685,884,325	60,099,415,296

- Giá trị của tài sản cố định hữu hình đến thời điểm 31/12/2008 đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay: 246.918.969.787 VND Trong đó:

Giá trị quyền sử dụng đất là: 181.237.275.000 VNĐ và các tài sản khác là: 65.681.694.787 VNĐ

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đến thời điểm 31/12/2008 hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 20.196.528.261 VND

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu

**Thương hiệu
Vinaconex**

Tổng cộng

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2008	500,000,000	500,000,000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư ngày 31/12/2008	500,000,000	500,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2008	99,999,988	99,999,988
Khấu hao trong kỳ	24,999,996	24,999,996
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư ngày 31/12/2008	124,999,984	124,999,984
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2008	400,000,012	400,000,012
Tại ngày 31/12/2008	375,000,016	375,000,016
7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Văn phòng Công ty	14,558,894,210	27,547,016,503
Xây dựng cơ bản dở dang	6,628,808,823	20,411,885,297
<i>Đầu tư nhip 6, nhip 7 kho thành phẩm</i>	-	1,893,694,089
<i>Xây dựng bộ xử lý nước thải</i>	104,802,258	104,802,258
<i>Xưởng SX Cầu kiện bê tông dự ứng lực tại Vĩnh Phúc</i>	6,320,931,516	-
<i>Dự án chung cư Xuân Mai</i>	-	121,887
<i>Dự án Trung tâm Thương mại Xuân Mai</i>	-	2,198,477,587
<i>Dự án chung cư Vĩnh Phúc</i>	-	16,091,151,393
<i>Công trình trạm trộn Sài Sơn</i>	-	123,638,083
<i>Dự án cải tạo trạm y tế</i>	203,075,049	-
Mua sắm TSCĐ	7,930,085,387	7,135,131,206
<i>Đầu tư thiết bị Đắc Lắc</i>	41,936,000	41,936,000
<i>Đầu tư thiết bị vận chuyển siêu trường, siêu trọng</i>	-	2,690,902,790
<i>Đầu tư dây chuyền sản xuất cầu kiện - Nhà máy Xi măng Cẩm Phả</i>	1,674,907,292	1,494,686,700
<i>Đầu tư thiết bị thi công năm 2007</i>	-	1,558,738,790
<i>Đầu tư 02 xe và romóc</i>	-	1,197,477,651

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

<i>Nâng cấp trạm trộn vữa khô</i>	260,559,164	150,167,905
<i>Đầu tư máy sản xuất tấm sàn bê tông rỗng</i>	5,952,682,931	1,221,370
Chi nhánh Vĩnh Phúc		3,224,906,411
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	3,174,578,988
<i>Công trình đầu tư thi công nhà xưởng mới</i>	-	3,107,435,511
<i>Công trình mở rộng xưởng sản xuất chính</i>	-	67,143,477
Sửa chữa lớn TSCĐ		50,327,423
<i>Sửa chữa nhà ăn</i>	-	31,731,822
<i>Sửa chữa dây chuyền máy công Varung</i>	-	18,595,601
Chi nhánh Láng - Hòa Lạc	-	259,154,197
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	259,154,197
<i>Công trình Trạm trộn Sài Sơn</i>	-	259,154,197
Chi nhánh Hà Đông	12,161,625,343	-
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	12,161,625,343	-
<i>Dự án Khu Trung tâm Thương mại</i>	12,161,625,343	-
Cộng	26,720,519,553	31,031,077,111
8. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Văn phòng Công ty	27,614,456,359	10,937,360,146
Đầu tư cổ phiếu OTC	27,614,456,359	10,937,360,146
Công ty Khách sạn Suối Mơ	1,835,000,000	1,335,000,000
Công ty Xi măng Yên Bình	8,880,210,146	8,880,210,146
Công ty Xi măng Cẩm phá	2,327,096,213	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển điện Miền Bắc 2	722,150,000	722,150,000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 45	13,850,000,000	-
Cộng	27,614,456,359	10,937,360,146
9. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Văn phòng Công ty	805,792,617	2,304,478,883
Khuôn cọc các loại	131,485,291	255,388,432
Khuôn cồng các loại	-	189,403,318
Khuôn đổ sản phẩm CKBT dự ứng lực	450,000,000	1,791,509,314
Dàn giáo Xây dựng	215,681,208	-
Tay cây lực - nhà máy Xi măng Hạ Long	2,250,000	-

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Tăng đơ - Nhà máy Xi măng Hạ Long	3,620,000	-
Máy phá bê tông- TT nhân đạo Hoà Bình	2,756,118	-
Khuôn vữa các loại	-	53,641,156
Máy thủy chuẩn	-	14,536,663
Chi phí gia công phễu xả bê tông	-	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	-
Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	319,719,356
Công cụ, dụng cụ	-	63,121,161
Chi phí chờ phân bổ khấu hao nhà xưởng	-	256,598,195
Chi nhánh Hoà Lạc	644,101,831	-
Chi phí sửa chữa 03 xe ô tô	477,084,040	-
Chi phí sửa chữa lắp đặt trạm	167,017,791	-
Chi nhánh Hà Đông	662,087,917	-
Dự án khu chung cư Xuân Mai	39,803,035	-
Thuê văn phòng	365,831,000	-
Đồ dùng, dụng cụ văn phòng	220,149,882	-
Dự án Khu hành chính Hà Đông	36,304,000	-
Dự án khu chung cư Ngõ Thi Nhậm	-	-
Cộng	2,111,982,365	2,624,198,239
10. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	110,858,108,102	114,728,890,398
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>110,858,108,102</i>	<i>104,742,874,881</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	51,308,499,648	44,937,194,853
Ngân hàng Công thương Láng - Hoà Lạc	54,549,608,454	59,805,680,028
Ngân hàng HDB - CN Hà Đông	5,000,000,000	-
<i>Chi nhánh Vĩnh Phúc</i>	-	<i>9,986,015,517</i>
Vay ngắn hạn NHĐT-PT Chi nhánh Hà Tây	-	9,986,015,517
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	6,172,477,232	11,031,611,309
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>6,172,477,232</i>	<i>11,031,611,309</i>
Ngân hàng Công thương Hà Tây	5,518,000,000	7,304,966,353
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	-	3,000,000,000
Vay ODA	654,477,232	726,644,956
Cộng	117,030,585,334	125,760,501,707

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	-	2,258,168,065
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	15,640,332	-
Thuế xuất nhập khẩu	43,604,610	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,430,264,525	759,581,515
Thuế thu nhập cá nhân	18,828,161	4,936,610
Các loại thuế khác	34,627,273	67,095,995
Cộng	3,542,964,901	3,089,782,185
12. Chi phí phải trả	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Văn phòng Công ty	10,517,697,859	2,142,241,184
Công trình Chợ Thương Bắc Giang	-	377,098,327
Công trình CP-7B Kim Ngưu	86,651,374	-
Công trình công hợp Ngòi Mạ	771,704,105	-
Công trình nhà máy Compal	2,348,917,083	-
Công trình kho Công ty dệt 10-10	504,936,514	-
Công trình trụ sở Công ty 34 Láng Hạ - HN	2,588,533,281	-
Công trình nhà máy Pioneer	1,711,074,000	-
Công trình chợ Cửa nam	867,481,770	-
Công trình Starlight Sportwear	1,553,535,763	-
Chi phí vận chuyển dầm cầu tuần Nghệ An	84,863,969	-
Chi phí vận chuyển dầm cầu Thanh Nam	-	65,142,857
Công trình đường vào trạm bơm nước Sông Đà	-	1,700,000,000
Cộng	10,517,697,859	2,142,241,184
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	207,244,864	217,150,592
Bảo hiểm xã hội	2,054,917,180	1,105,885,195
Bảo hiểm y tế	6,957,197	-

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Các khoản phải trả, phải nộp khác	84,866,884,282	5,160,457,063
Văn phòng Công ty	84,181,513,976	5,160,457,063
Anh Chung XD7 - Công trình THNC	160,183,659	160,183,659
Anh Chung XD7 - Công trình Canon	10,295,261	-
Anh Quang SXC - Công trình Cầu Hát Lót	144,674,878	144,674,878
Anh Quang SXC - Công trình Đắc Lắc	51,098,719	51,098,719
Anh Lượng XD4 - Công trình đường 18	151,955,000	151,955,000
Anh Lượng XD4 - Công trình Phú Cát	66,060,284	66,060,284
Anh Lượng XD4 - Công trình CP7	13,071,600	-
Anh Lượng XD4 - Công trình rãnh nước SXC	4,401,224	-
Anh Lượng XD4 - Khánh Trúc	2,406,222	-
Anh Cảnh XD2 - Xuân Mai 2	60,258,208	60,258,208
Anh Nam XD5 - Công trình TĐCTĐ Sơn La	27,855,196	27,855,196
Anh Nam XD5 - Công trình Việt Nhật	15,464,000	-
Hoàng Anh Tuấn - Cơ khí	40,085,872	40,085,872
Anh Tuấn xưởng cơ khí - Xuân Mai 2	-	219,635,245
Anh Cảnh XD 2 (Hải) - Đập tràn Nghệ An	49,664,000	49,664,000
Anh Linh - Trường C2 Bê tông	86,332,948	86,332,948
Anh Linh XD3 - Công trình Ủy ban nhân dân xã Hoà Thạch	50,522,223	50,522,223
Anh Chinh CKBT1 - Vật tư phụ	-	24,441,340
Anh Tiết Xưởng trộn - Vật tư phụ	-	34,427,010
Hoàng Anh Tuấn Xưởng cơ khí - Vật tư phụ	-	27,968,156
Anh Lê NL - Nhà máy Xi măng Cẩm phả Quảng Ninh	-	43,532,845
Vũ Thị Huyền Thu - KD	-	33,125,395
Lại Thị Lụa phòng Công nghệ	-	44,211,874
Hoàn Quang Tuyển TCHC	-	204,400,000
Nguyễn Minh Đức BDH Intel	-	283,446,048
Anh Khoa Trung tâm Sài Sơn	-	30,170,156
Anh Chung XD 7 CT May X 40	-	22,251,048
Anh Linh XD3 - Công trình Phú cát	1,185,805	-
Anh Hùng- Công trình Căng Cái lân	12,000	-
Anh Chung XD7- Công trình May 40	592,437	-
Anh Đa Nhà máy thép phía Nam	6,871,286	-
Dư có tiền tạm ứng	1,792,028,923	-
Nhóm mua nhà chung cư Ngô Thị Nhậm	61,431,229,700	2,030,104,000
Chi phí trả ROSE	1,704,089,434	1,024,314,518
Trả hộ BHHH	26,300,000	137,686,000

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Ban điều hành Công ty	307,406,145	-
Lợi tức trả cổ đông bên ngoài 2006	22,362,717	25,000,717
Trả lãi cổ tức 2007 (Tại Công Ty)	76,005,500	-
Tổng Công ty XNK và XD Vinaconex	1,356,339,127	-
Lãi Huy động vốn	4,456,948,908	-
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát Công ty VAE	126,000,000	-
Công ty LD Style Stone	6,500,000	-
Công ty LD Style Stone	5,000,000,000	-
Công ty CP Xi măng Yên Bình	6,900,000,000	-
Học nghề đợt 1 năm 2007	-	25,162,700
Phải trả, phải nộp khác	33,312,700	61,889,024
Chi nhánh Hà Đông	685,370,306	-
Phải trả, phải nộp khác	685,370,306	-
Cộng	87,136,003,523	6,483,492,850
14. Vay và nợ dài hạn	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	57,268,644,090	7,518,516,434
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	-	1,309,011,737
Ngân hàng Công thương Lạng - Hoà Lạc	57,008,207,876	5,314,926,525
Vay ODA	260,436,214	894,578,172
Nợ dài hạn	16,834,771,265	26,386,769,392
Nợ dài hạn cá nhân - Gửi tiết kiệm	16,834,771,265	26,386,769,392
Cộng	74,103,415,355	33,905,285,826
15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	91,645,056
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	91,645,056

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư tại ngày 01/01/2007	55,421,874,457	10,047,528,500	-	7,398,780,992	72,868,183,949
Tăng vốn trong năm trước	44,578,125,543	42,173,155,000	-	-	86,751,280,543
Lãi trong năm trước	-	-	-	18,024,891,457	18,024,891,457
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	(45,756,818)	-	-	(45,756,818)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(6,828,365,202)	(6,828,365,202)
Số dư tại ngày 31/12/2007	100,000,000,000	52,174,926,682	-	18,595,307,247	170,770,233,929
Tăng vốn trong năm nay	-	-	(9,780,176,355)	-	(9,780,176,355)
Lãi trong năm nay	-	-	-	25,351,623,091	25,351,623,091
Tăng khác	-	-	-	253,291,796	253,291,796
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(19,248,599,041)	(19,248,599,041)
Số dư tại ngày 31/12/2008	100,000,000,000	52,174,926,682	(9,780,176,355)	24,951,623,093	167,346,373,420

Mẫu số B09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm 2008

(tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	51,000,000,000	51,000,000,000
Vốn góp của các đối tượng khác	49,000,000,000	49,000,000,000
Cộng	100,000,000,000	100,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	100,000,000,000	55,421,874,457
Vốn góp tăng trong kỳ	-	44,578,125,543
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	100,000,000,000	100,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	12,705,000,000	-

(*): 6 tháng đầu năm 2008, Công ty mới thực hiện việc phân chia khoản cổ tức của năm 2007.

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
d) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	Chưa công bố	
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	Chưa công bố	

d) Cổ phiếu	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,000,000	10,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,000,000	10,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	10,000,000	10,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	556,800	-
- Cổ phiếu phổ thông (*)	556,800	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,443,200	10,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	9,443,200	10,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*): Trong năm 2008, số lượng cổ phiếu do Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ là 556.800 cổ phiếu. Trong đó, 6 tháng đầu năm mua lại: 318.200 cổ phiếu và 6 tháng cuối mua lại: 238.600 cổ phiếu

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

f) Các quỹ của công ty	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8,556,750,421	4,897,880,043
Quỹ dự phòng tài chính	1,661,976,275	732,210,913
Cộng	10,218,726,696	5,630,090,956

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Doanh thu sản xuất công nghiệp và cung cấp dịch vụ	146,864,421,939	110,079,555,532
Doanh thu hợp đồng xây dựng	344,205,232,256	284,649,788,925
Cộng	491,069,654,195	394,729,344,457
17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Doanh thu thuần sản xuất công nghiệp và cung cấp dịch vụ	146,864,421,939	110,079,555,532
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	344,205,232,256	284,649,788,925
Cộng	491,069,654,195	394,729,344,457
18. Giá vốn hàng bán	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Giá vốn	404,855,537,223	329,096,843,959
Giá vốn của sản xuất công nghiệp và cung cấp dịch vụ	115,295,165,422	124,475,543,202
Giá vốn hợp đồng xây dựng	288,481,202,724	204,221,525,757
Hao hụt, mất hàng tồn kho	-	399,775,000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,079,169,077	-
Cộng	404,855,537,223	329,096,843,959
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	864,336,884	442,097,974
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83,792,238	11,557
Lãi bán hàng trả chậm	8,256,333	-
Cộng	956,385,455	442,109,531
20. Chi phí tài chính	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền vay	17,146,803,374	15,198,889,441
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	646,249,858	509,874,884
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	236,120,678	654,619,097
Cộng	18,029,173,910	16,363,383,422
21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9,884,675,454	2,842,639,600
Chi phí thuế TNDN của lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện không được tính là chi phí hợp lý trong kỳ	66,113,790	-
Cộng	9,950,789,244	2,842,639,600
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25,351,623,091	18,024,891,457
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25,351,623,091	18,024,891,457
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9,799,546	8,666,666
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,587.02	2,079.80

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Năm 2008	Năm 2007
		VND	VND
Doanh thu		110,067,472,461	194,861,302,994
Văn phòng Công ty		94,820,131,273	194,861,302,994
Tổng công ty XNK Xây dựng Việt Nam	Tổng Công ty	48,630,061,589	4,117,565,629
Công ty CP Xây dựng số 1	Cùng Tổng công ty	1,417,728,655	352,094,082
Công ty CP Vinaconex 2	Cùng Tổng công ty	1,983,994,857	553,553,805
Công ty CP Xây dựng số 3	Cùng Tổng công ty	160,129,524	510,240,910
Công ty CP Xây dựng số 5	Cùng Tổng công ty	6,630,156,211	2,896,110,849
Công ty CP Xây dựng số 6	Cùng Tổng công ty	7,028,742,986	784,860,730
Công ty CP Xây dựng số 7	Cùng Tổng công ty	-	52,827,619
Công ty CP Xây dựng số 9	Cùng Tổng công ty	108,011,429	272,727,273
Công ty CP Xây dựng số 11 - Vinaconex	Cùng Tổng công ty	776,222,171	1,086,099,048
Công ty CP Xây dựng số 12	Cùng Tổng công ty	116,465,548	10,009,524
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex 34	Cùng Tổng công ty	150,309,524	1,523,808
Công ty CP Cơ khí xây dựng Vinaconex 20	Cùng Tổng công ty	-	924,632,697
Công ty CP Xây dựng số 21	Cùng Tổng công ty	767,085,714	531,480,952
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 45	Cùng Tổng công ty	654,051,623	1,571,693,661

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Công ty CP Đầu tư Tư vấn XD Vinaconex	Cùng Tổng công ty	291,149,600	-
Công ty CP Đầu tư XDCT ngầm Vinavico	Đơn vị LK của Tổng	15,575,457,142	-
Công ty CP Cơ giới Lắp máy Vimenco	Cùng Tổng công ty	-	25,962,903,809
Công ty CP ĐTXD và KT Vinaconex E&C	Cùng Tổng công ty	2,291,945,616	-
TTXKLD và Thương mại Vinaconex	Cùng Tổng công ty	-	203,339,641
Công ty CP Chế tác Đá Việt Nam	Cùng Tổng công ty	-	1,056,789,084
Công ty CP Xi măng Vinaconex Lương Sơn	Cùng Tổng công ty	-	15,380,533
BQLDA ĐTXD phát triển nhà và đô thị	Cùng Tổng công ty	-	1,836,714,885
Trung tâm Đầu tư và Quản lý dự án	Cùng Tổng công ty	139,152,733	6,218,125,419
Ban quản lý Cẩm Phá	Cùng Tổng công ty	-	69,647,896,390
BQLDA ĐT XD hệ thống cấp nước Sông Đà	Cùng Tổng công ty	878,316,364	9,880,323,636
BQLDA Công trình thủy điện Buôn Kuốp	Cùng Tổng công ty	7,033,658,509	25,085,442,381
Công ty Liên doanh Vinata	Đơn vị thuộc Tổng	-	41,288,966,629
Công ty Quốc tế LD Vinaconex Taisei	Đơn vị LK của Tổng	187,491,478	-
Chi nhánh Láng - Hòa Lạc		14,384,812,204	-
Công ty CP Vinaconex 2	Cùng Tổng công ty	1,299,104,162	-
Công ty CP Xây dựng số 5	Cùng Tổng công ty	4,677,309,525	-
Công ty CP Xây dựng số 6	Cùng Tổng công ty	4,593,243,691	-
Công ty CP Xây dựng số 9	Cùng Tổng công ty	169,000,000	-
Công ty CP ĐT Xây dựng và Kỹ thuật	Cùng Tổng công ty	3,031,185,715	-
Công ty CP Xây dựng số 12	Cùng Tổng công ty	330,696,190	-
Công ty CP ĐT Xây dựng và PTHT	Cùng Tổng công ty	94,933,334	-
Công ty Quốc tế LD Vinaconex Taisei	Đơn vị LK của Tổng	106,598,278	-
Công ty CP Cơ giới Lắp máy Vimenco	Cùng Tổng công ty	82,741,309	-
Chi nhánh Vĩnh Phúc		862,528,984	-
Công ty Vinaconex Phan Vũ	Cùng Tổng công ty	851,795,651	-
Công ty Vinaconex 6	Cùng Tổng công ty	10,733,333	-

1.2 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong kỳ

Năm 2008

Năm 2007

	VND	VND
Đặng Hoàng Huy	71,408,629	-
Trần Trọng Diên	64,752,032	-
Nguyễn Văn Đa	61,800,860	-
Trần Văn Liên	58,242,054	-
Đỗ Thạch Cương	60,341,200	-
Tổng cộng	316,544,775	-

1.3 Số dư với các bên liên quan

**Quan hệ với
Công ty**

31/12/2008

01/01/2008

VND

VND

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Các khoản phải thu		42,446,295,819	54,704,978,972
Văn phòng Công ty		35,079,068,827	50,083,655,148
Tổng công ty XNK Xây dựng Việt Nam	Tổng Công ty	5,221,615,350	639,020,726
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Cùng Tổng công ty	254,968,000	318,167,098
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Cùng Tổng công ty	29,000,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	Cùng Tổng công ty	1,251,670,868	2,351,670,868
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Cùng Tổng công ty	2,067,889,845	1,335,453,698
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	Cùng Tổng công ty	1,347,092,095	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	Cùng Tổng công ty	-	289,804,000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	Cùng Tổng công ty	248,995,662	2,105,000
Công ty CP Cơ khí xây dựng Vinaconex 20	Cùng Tổng công ty	207,095,967	407,095,967
Công ty CP Xây dựng số 21	Cùng Tổng công ty	425,875,999	-
Nhà máy Bê tông Bình Dương	Cùng Tổng công ty	-	1,743,100,053
Công ty Khoáng sản Vinaconex	Cùng Tổng công ty	-	662,957,127
Công ty CP XD và Ứng dụng CN mới	Cùng Tổng công ty	-	364,053,000
Công ty CP XD và Dịch vụ Vinaconex	Cùng Tổng công ty	-	200,000,000
Vimeco	Cùng Tổng công ty	-	1,960,584,912
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Cùng Tổng công ty	-	58,123,400
Công ty CP Đầu tư và XD số 45	Cùng Tổng công ty	744,083,715	125,706,440
Công ty Cơ giới lắp máy và XD- Vimeco	Cùng Tổng công ty	614,520,544	-
Công ty CP Vinaconex Sài Gòn	Cùng Tổng công ty	2,065,186,658	-
BQLDA ĐTXD phát triển nhà và đô thị	Cùng Tổng công ty	-	739,738,748
Trung tâm đầu tư và BQL dự án	Cùng Tổng công ty	-	6,862,136,878
Công ty Cp Tư vấn XD- Vinaconsult	Cùng Tổng công ty	32,026,560	-
Công ty CP ĐTXD và KT Vinaconex E&C	Cùng Tổng công ty	4,241,803,565	-
BQLDA Đầu tư mở rộng đường Láng	Cùng Tổng công ty	-	1,223,192,000
BQL Cẩm Phả	Cùng Tổng công ty	5,477,662,695	23,132,563,689
BQLDA ĐT XD hệ thống cấp nước Sông Đà	Cùng Tổng công ty	1,779,149,700	4,777,569,000
BQLDA Công trình thủy điện Buôn Kuốp	Cùng Tổng công ty	3,017,373,834	-
Công ty Liên doanh Vinata	Cùng Tổng công ty	-	2,841,924,544
Trạm nghiền Xi măng Cẩm phả	Cùng Tổng công ty	2,717,924,380	-
Công ty Quốc tế LD Vinaconex Taisei	ĐV liên kết của Tổng	3,335,133,390	48,688,000
Chi nhánh Láng - Hòa Lạc		7,367,226,992	4,621,323,824
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Cùng Tổng công ty	1,585,182,067	2,085,182,067
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Cùng Tổng công ty	585,280,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Cùng Tổng công ty	2,304,403,925	-

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	Cùng Tổng công ty	1,661,261,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Cùng Tổng công ty	177,450,000	1,469,768,705
Công ty CPĐT Xây dựng và PTHT	Cùng Tổng công ty	165,175,000	-
Công ty CPĐT Xây dựng và Kỹ thuật	Cùng Tổng công ty	888,475,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	Cùng Tổng công ty	-	1,066,373,052
Các khoản phải trả		23,305,119,962	14,017,221,447
Văn phòng Công ty		20,814,239,433	13,971,733,947
Tổng công ty XNK Xây dựng Việt Nam	Tổng Công ty	4,434,524,114	316,727,325
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Cùng Tổng công ty	2,736,676,017	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Cùng Tổng công ty	626,481,000	-
Công ty Xi măng Vinaconex Lương Sơn	Cùng Tổng công ty	-	67,665,968
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	Cùng Tổng công ty	952,259,654	947,609,654
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	Cùng Tổng công ty	450,000,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Cùng Tổng công ty	10,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	Cùng Tổng công ty	2,446,177	-
Công ty Cổ phần vận tải Vinaconex	Cùng Tổng công ty	169,757,600	-
Công ty CPĐT XD và KT Vinaconex E&C	Cùng Tổng công ty	1,557,180,016	-
BQL D/án ĐTXD MR đường Láng Hòa Lạc	Cùng Tổng công ty	9,759,592,355	-
Ban quản lý D/án nhà máy nước Vinaconex	Cùng Tổng công ty	10,960,400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	Cùng Tổng công ty	107,835,600	-
Công ty CP Đầu tư Tư vấn XD Vinaconex	Cùng Tổng công ty	-	80,066,000
Công ty Quốc tế LD Vinaconex Taisei	ĐV liên kết của Tổng	6,516,500	-
Công ty CP Đầu tư XDCT ngầm Vinavico	ĐV liên kết của Tổng	-	12,559,665,000
Chi nhánh Láng - Hòa Lạc		2,490,880,529	45,487,500
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	Cùng Tổng công ty	68,030,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	Cùng Tổng công ty	30,000,000	-
Công ty CP Cơ giới Lắp máy Vimenco	Cùng Tổng công ty	2,392,850,529	45,487,500
Các khoản vay		-	7,184,400,000
Văn phòng Công ty		-	7,184,400,000
Trung tâm Đấu thầu và Quản lý dự án	Cùng Tổng công ty	-	6,984,400,000
Công ty Xây dựng số 9	Cùng Tổng công ty	-	200,000,000

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2009

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Đức Dụng

Vũ Ngọc Nho

Đặng Hoàng Huy